

Số: 141/2019/QĐST-HNGĐ

Ba Đình, Ngày 01 tháng 04 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 141/2019/TLST- VHNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Trương Thị Thúy N**, sinh năm 1984.

- Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1984.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: 35 – D5 Tập thể G, phường G, quận B, thành phố H.

XÉT THẤY:

Chị Trương Thị Thúy N và anh Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/06/2005 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố H (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/06/2005), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành thành ngày 21 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu N và anh Nguyễn Đức H thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 02/01/2005 và cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 30/04/2006.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị thống nhất để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc L; chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Q kể từ tháng 04 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh H, chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh chị trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về nhà đất ở: Anh chị trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về các khoản vay nợ: Anh chị trình bày không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

II. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Thúy N tự nguyện chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trương Thị Thúy N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005331 ngày 21 tháng 03 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoài Phương